

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 1015 BVĐHYD-QTTN

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2021

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh mời các nhà cung cấp có quan tâm, có khả năng cung cấp bóng đèn và vật tư điện năm 2021-2022 tại Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh báo giá theo phụ lục đính kèm.

Đề nghị các nhà cung cấp gửi file pdf báo giá có ký tên đóng dấu theo mẫu đính kèm, file excel báo giá (nếu có) đến email moichaogia@umc.edu.vn và gửi bản giấy có đóng dấu về Phòng Quản trị tòa nhà, Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (địa chỉ 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh).

- Thời gian nhận báo giá: đến hết ngày 07 / 06 / 2021

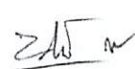
- Điện thoại liên hệ: 028.39525443 (Anh Dũng - Phòng Quản trị tòa nhà).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J16-195-dtthuy) (3).





PHỤ LỤC
DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo công văn mời chào giá số: 1015 /BVĐHYD-QTTN ngày 21/ 6/ 2021)

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Bóng đèn LED 0,6 m	- Công suất: 9W - 11W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$, thân nhôm chụp nhựa mờ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước: $600\text{mm} \pm 12 \times \text{Ø } 27\text{mm} \pm 2$	cái	400
2	Bóng đèn LED 1,2 m	- Công suất: 18W - 20W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$, thân nhôm chụp nhựa mờ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước: $1200\text{mm} \pm 12 \times \text{Ø } 27\text{mm} \pm 2$	cái	1.000
3	Bóng LED tròn, đuôi vặn E27	- Công suất: 3W - 4W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 80 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ	cái	50
4	Bóng đèn compact Led 14W	- Công suất: 14W - 16W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ	cái	300
5	Bóng đèn compact Led 20W	- Công suất: 20W - 22W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ	cái	150

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
6	Bóng đèn LED tròn 5W	- Công suất: 5W - 6W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 80 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ	cái	20
7	Bóng Metal Halide	- Công suất: 70W - 75W - Ánh sáng trắng: $\geq 5200K$, hình ống - Hiệu suất phát sáng: $\geq 65 \text{ Lm/W}$ - Hệ số hoàn màu: $\geq 80 \text{ Ra}$ - Đuôi ghim: RX7S - Tuổi thọ: ≥ 10.000 giờ	cái	10
8	Bóng Metal Halide, công suất 400W, hình ống bầu, ánh sáng trắng 4500 đuôi vặn E40	- Công suất: 400W - 405W - Ánh sáng trắng: $\geq 4500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 65 \text{ Lm/W}$ - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 - Đuôi vặn: E40 - Tuổi thọ: ≥ 10.000 giờ	cái	5
9	Bóng đèn UV 1,2m	- Công suất: 30W - 55W - Tuổi thọ: ≥ 9.000 giờ - Kích thước: $1200\text{mm} \pm 12 \times \text{Ø } 27\text{mm} \pm 2$	cái	40
10	Bộ Đèn LED mica 0,6 m	- Công suất: 18W - 19W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$, chụp mica - Hiệu suất phát sáng: $\geq 80 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ	bộ	30
11	Bộ Đèn LED mica 1,2 m	- Công suất: 36W - 37W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$, chụp mica - Hiệu suất phát sáng: $\geq 80 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ	bộ	10
12	Đèn LED báo pha	- Đèn báo pha 24 VDC hoặc 220 VAC, Ø22 - Màu đèn: xanh, đỏ, hoặc vàng - Kích thước: $\text{Ø } 22\text{mm} \pm 2$	bộ	30
13	Đèn chiếu tranh 5W	- Công suất: 5W - 6W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Quang thông: $\geq 450 \text{ Lm}$ - Chỉ số hoàn màu: $\geq 85 \text{ Ra}$ - Góc mở: có thể xoay - Tuổi thọ: ≥ 65.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: $\text{Ø } 110\text{mm}$ - Kích thước: $\text{Ø } 130\text{mm} \times 80\text{mm}$	bộ	5

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
14	Bộ Đèn LED downlight 7W	- Công suất: 7W - 8W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Quang thông: $\geq 630 \text{ Lm}$ - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: hợp kim nhôm - Chip Led: Cree/Nichia - Kích thước lỗ khoét: $\varnothing 85\text{mm} \pm 3$ - Kích thước: $\varnothing 110\text{mm} \times 53\text{mm}$	bộ	30
15	Đèn trụ 12W chiếu tranh	- Công suất: 12W - 14W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 0,98 \text{ Lm/W}$ - Quang thông: $\geq 1200 \text{ Lm}$ - Tuổi thọ: ≥ 65000 giờ - Chỉ số hoàn màu: 85 Ra - Góc mở: có thể xoay - Kích thước lỗ khoét: $\varnothing 110\text{mm}$ - Kích thước: $\varnothing 130\text{mm} \times 80\text{mm}$	bộ	5
16	Bộ Đèn LED downlight 12W	- Công suất: 12W - 13W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 100 \text{ lm/W}$ - Quang thông: $\geq 1320 \text{ Lm}$ - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: hợp kim nhôm - Chip Led: Cree/Nichia - Kích thước lỗ khoét: $\varnothing 145\text{mm}$ - Kích thước: $\varnothing 157 \times 40 \text{ mm}$	bộ	100
17	Bộ Đèn LED downlight 13W	- Công suất 13W - 14W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 100 \text{ lm/W}$ - Quang thông: $\geq 1300 \text{ Lm}$ - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: hợp kim nhôm - Chip Led: Cree/Nichia - Kích thước lỗ khoét $\varnothing 114\text{mm}$ - Kích thước: $\varnothing 120 \times 103 \text{ mm}$	bộ	3
18	Bộ đèn LED downlight 34W	- Công suất 34W - 36W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 97 \text{ lm/W}$ - Quang thông: $\geq 3300 \text{ Lm}$ - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: hợp kim nhôm - Chip Led: Cree/Nichia - Kích thước lỗ khoét $\varnothing 150\text{mm}$ - Kích thước: $\varnothing 157\text{mm} \times 119\text{mm}$	bộ	3

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
19	Bộ đèn LED downlight chiếu sâu 60W	- Công suất 60W - Ánh sáng trắng $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 100 \text{ lm/W}$ - Quang thông: $\geq 6000 \text{ Lm}$ - Góc chiếu: $\geq 104^\circ$ - Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ - Tính năng chống nước: IP 65 - Chất liệu: hợp kim nhôm - Chip Led: Cree/Nichia - Kích thước: đường kính 280mm, chiều cao 113mm	bộ	26
20	Bộ Đèn Pha LED 30 W	- Công suất 30W - 32W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Quang thông $\geq 3000 \text{ Lm}$ - Tính năng chống nước: IP 65 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	bộ	10
21	Bộ Đèn Pha LED 50 W	- Công suất 50W - 55W - Ánh sáng trắng 6500 K - Quang thông $\geq 3000 \text{ Lm}$ - Tính năng chống nước: IP 65 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	bộ	5
22	Bộ Đèn pha LED 120 W (đèn đường)	- Công suất 120W - 130W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Quang thông $\geq 3.000 \text{ Lm}$ - Tính năng chống nước: IP65 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	bộ	3
23	Bộ đèn LED T5 1,2m 14W	- Công suất: 14W - 16W - Kích thước bóng: $1200\text{mm} \pm 12$ - Độ sáng: $\geq 1200 \text{ Lm}$ - Độ hoàn màu: $\geq 80 \text{ n Ra}$ - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ chiếu sáng - Chất liệu: Nhựa	bộ	10
24	Bộ đèn LED T5 0,6m	- Công suất: 7W - 9W - Kích thước bóng: $\geq 600\text{mm} \pm 12$ - Độ sáng: $\geq 600 \text{ Lm}$ - Độ hoàn màu: $\geq 80 \text{ Ra}$ - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ chiếu sáng - Chất liệu: Nhựa	bộ	200

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
25	Bộ đèn quang hợp 100W	- Công suất: 100W - 110W - Hiệu suất: ≥ 85 lm/W - Góc chiếu: $\geq 160^\circ$ - Quang thông: ≥ 20.000 Lm - Diện tích che phủ: max $4m^2$ - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: hợp kim nhôm, ABS - Đuôi đèn: E27 - Kích thước: 122x122x192 mm	bộ	2
26	Đèn để bàn 4,5W	- Công suất: 4,5W - 5,5W - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ - Kích thước Căn đèn: 28cm; Chiều cao: 29cm	bộ	10
27	Đèn LED âm tường chiếu chân 3,6W	- Công suất: 6W - 7W - Quang thông: ≥ 100Lm - Ánh sáng vàng: ≥ 3000K - Tuổi thọ cao: ≥ 25.000 giờ - Chỉ số hoàn màu: ≥ 70 Ra - Chip Led: Epistar/ Bridgelux	bộ	2
28	Đèn LED 10W	- Công suất: 10W - 12W - Quang thông: ≥ 977 Lm - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ - Chất liệu: Hợp kim nhôm cao cấp có đế tản nhiệt - Lỗ khoét: $\varnothing 110$ mm - Kích thước: $\varnothing 142 \times H 35$ mm	bộ	10
29	Đèn LED 9W	- Công suất: 9W - 10W - Quang thông: ≥ 977 Lm - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ - Chất liệu: Hợp kim nhôm cao cấp có đế tản nhiệt - Lỗ khoét: $\varnothing 100$ mm - Kích thước: $\varnothing 120 \times H 35$ mm	bộ	10
30	LED panel 600x600mm	- Công suất 40W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Độ hoàn màu: ≥ 80 Ra - Hiệu suất: ≥ 97 lm/W - Quang thông: ≥ 4000 Lm - Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ - Chất liệu: Nhựa PMMA - Kích thước: 602x602x10 mm	bộ	30

nh

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
31	Cáp 1xC1,5mm2	- Tiết diện danh nghĩa: 1.5mm² - Cấp điện áp U₀/U: ≥ 0.6/1KV - Chiều dày cách điện danh định: ≥ 0.8mm - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: ≥ 70°C	mét	900
32	Cáp 1x3C1,5mm2	- Tiết diện danh nghĩa: 1.5mm²/1 sợi - Cấu tạo: 3 sợi, có 1 sợi xanh sọc vàng - Cấp điện áp U₀/U: ≥ 0.6/1KV - Chiều dày cách điện danh định: ≥ 0.8mm - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: ≥ 70°C	mét	600
33	Cáp 1xC2,5mm2	- Tiết diện danh nghĩa: 2.5mm² - Cấp điện áp U₀/U: ≥ 0.6/1KV - Chiều dày cách điện danh định: ≥ 0.8mm - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: ≥ 70°C	mét	1.500
34	Cáp 1xC4mm2	- Tiết diện danh nghĩa: 4.0mm² - Cấp điện áp U₀/U: ≥ 0.6/1KV - Chiều dày cách điện danh định: ≥ 1mm - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: ≥ 70°C	mét	1.800
35	Cáp 1xC6mm2	- Tiết diện danh nghĩa: 6.0mm² - Cấp điện áp U₀/U: ≥ 0.6/1KV - Chiều dày cách điện danh định: ≥ 1mm - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: ≥ 70°C	mét	1.000
36	Cáp chống cháy 1x1,5mm2	- Tiết diện danh nghĩa: 1.5mm² - Cấp điện áp U₀/U: ≥ 0.6/1KV - Chiều dày cách điện danh định: ≥ 1.4mm - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: ≥ 70°C - Đáp ứng các tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1, TCVN 6612/ IEC 60228	mét	800
37	Cáp điện thoại 2x2x0,5mm2	- Tiết diện danh nghĩa: ≥ 0.5mm² - Cấu tạo: 2 đôi dây (4 sợi) - Hình dạng: dẹp	mét	700
38	Cáp mạng CAT 6	- Qui cách: 305 mét/thùng - Hỗ trợ chuẩn 10GBASE-T đến 100m. - Thỏa tất cả các yêu cầu của IEEE 802.3an 10 Gigabit Ethernet. - Chứng nhận an toàn: IEC 60332-1-2,	mét	600

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		IEC 60754-1, IEC 60754-2, IEC 61034-2. - Dây dẫn bằng đồng dạng cứng - Đường kính lõi: ≤ 23 AWG. - Vỏ bọc cách điện: Polyethylene - Vỏ bọc bên ngoài : nhựa LSZH		
39	Dây loa AWG 16	- Tiết diện danh nghĩa: $1.5\text{mm}^2/1$ sợi - Lõi cáp: đồng mạ thiếc - Cấu tạo: 2 sợi xoắn tạo thành cặp. - Lớp cách điện được làm bằng PE – Polyethylene - Chống nhiễu: nhôm cán mỏng phủ 125% - Vỏ cáp được làm nhựa PVC.	mét	100
40	Cáp đồng trục RG6	- Lõi dây: thép mạ đồng - Đường kính lõi: $\geq 1.02\text{mm}$. - Lớp chống nhiễu: lớp 1 nhôm cán mỏng, lớp 2 lưới nhôm. - Vỏ bọc làm bằng nhựa PVC - Điện trở: 75 ± 3 Ohm.	mét	100
41	Công tắc đơn 1 chiều 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16\text{A}$ - Cách đấu dây: ghim (Cắm nhanh) - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng - Bật tắt: có ký hiệu	bộ	40
42	Công tắc chuông	- Điện áp định mức: 220 VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 10\text{A}$ - Cách đấu dây: vặn ốc - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng - Bật tắt: có ký hiệu	cái	30
43	Box âm đơn	- Kích thước: $80 \times 80 \times 42.5$ mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	cái	70
44	Box nổi đơn	- Kích thước: $80 \times 80 \times 35$ mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	cái	120
45	Box nổi đôi	- kích thước: $120 \times 115 \times 35$ mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	cái	54
46	Box âm đôi	- kích thước: $120 \times 115 \times 42.5$ mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	cái	20

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
47	Mặt lắp 1 thiết bị	- Để lắp đặt: đế vuông đơn - Dòng sản phẩm: Refina - Chức năng: dùng cho 1 thiết bị wide - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	cái	50
48	Mặt lắp 2 thiết bị	- Để lắp đặt: đế vuông đơn - Dòng sản phẩm: Refina - Chức năng: dùng cho 2 thiết bị wide - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	cái	50
49	Mặt lắp 3 thiết bị	- Để lắp đặt: đế vuông đơn - Dòng sản phẩm: Refina - Chức năng: dùng cho 3 thiết bị wide - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	cái	100
50	Mặt lắp 6 thiết bị	- Để lắp đặt: đế đôi - Chức năng: dùng cho 6 thiết bị wide - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	cái	100
51	Mặt che công tắc đèn	- Trang bị tiêu chuẩn kín nước IP43 - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	cái	5
52	Ổ cắm điện đôi 3 chấu 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16A$ - Chất liệu: nhựa - Kiểu nối dây: cắm dây - Màu sắc: trắng - Màn che bảo vệ: có	Bộ	100
53	Ổ cắm điện di động 5 vị trí cắm 1 công tắc	- Chiều dài cáp 3m, Vỏ dây điện cấu tạo 2 lớp - Sử dụng chất liệu tiêu chuẩn TIS - Loại 5 ổ cắm 3 chấu, có màn che - 1 công tắc phụ - Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16A$	Bộ	20
54	Phích cắm điện 3 chấu	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 20A$	Bộ	100

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
55	Ống luồn dây cứng Ø 20 2,92m/Cây	- Chiều dài: $\geq 2.92\text{m}$ - Đường kính ngoài: 20mm - Độ dày: $\geq 1.9\text{mm}$ - Chất liệu: PVC - Lực nén: $\geq 1250\text{N}$ - Màu sắc: trắng	Cây	100
56	Ống luồn dây mềm Ø 20, 40m/cuộn	- Chiều dài: 40m/cuộn - Đường kính: 20mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng	Cuộn	20
57	Ống luồn dây mềm Ø 25, 40m/cuộn	- Chiều dài: 40m/cuộn - Đường kính: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng	Cuộn	15
58	MCB 1P 20A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 20A - Số cực: 1P - Dòng cắt: $\geq 6\text{ kA}$ - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	10
59	MCB 2P 25A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 25A - Số cực: 2P - Dòng cắt: $\geq 6\text{ kA}$ - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	2
60	ELCB 2P 20A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 20A - Dòng rò: $\leq 30\text{mA}$ - Số cực: 2P - Dòng cắt: $\geq 4.5\text{kA}$ - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	2
61	MCB 3P 32A	- Điện áp định mức: 440VAC - 500VAC - Dòng điện định mức: 32A - Số cực: 3P - Dòng cắt: $\geq 6\text{ kA}$ - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	10

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
62	MCCB 3P 50A	- Điện áp định mức: 440VAC - 500VAC - Dòng điện định mức: 50A - Dòng cắt ngắn mạch: $\geq 25\text{KA}$ - Số cực: 3P - Chất liệu: nhựa, Đồng - Trip unit: Điều chỉnh từ 0.7 - 1.0 dòng định mức	Cái	1
63	Relay 4 tiếp điểm 220VAC 2A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 3A - Số chân: 14 - Số tiếp điểm: 4NO, 4NC	Cái	7
64	Cảm biến ánh sáng dạng điện tử	- Điện áp: 220V AC, 50Hz - Công suất: $\geq 500\text{W}$ - Độ sáng mở relay: $\leq 30 \text{ lux}$ - Độ sáng tắt relay: $\geq 150 \text{ lux}$	Cái	3
65	Timer 24 giờ	- Điện áp hoạt động: 220VAC - 250VAC, 50Hz - Công suất: $\geq 2500\text{W}$ - Chế độ hẹn giờ: 17 lần ON và 17 lần OFF - Thời gian cài đặt tối thiểu: 1 phút - Tích hợp pin dự phòng cho chương trình thời gian	Cái	4
66	Timer 60 phút	- Loại 8-chân - Nguồn cấp: 100VAC - 240VAC, 50Hz/60Hz - Ngõ ra role DPDT - Thang đo: 0.05s ~ 30h - Tiêu chuẩn: UL, CSA, EN	Cái	5
67	Bộ bảo vệ pha	- Điện áp pha: 380VAC - 480VAC - Điện áp chuyển mạch Max: 250VAC - Dòng điện chuyển mạch Max: 8A - Giới hạn điện áp: 304VAC ... 576VAC - Ngõ ra điều khiển: 2 C/O - Báo hiệu trạng thái bằng đèn LED.	Cái	2
68	Bộ nguồn 12VDC 12.5A	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 12VDC - Dòng điện ngõ ra: $\geq 17\text{A}$ - Công suất: $\geq 200\text{W}$	Cái	4
69	Bộ nguồn 24VDC 14A	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 24VDC - Dòng điện ngõ ra: $\geq 14\text{A}$ - Công suất: $\geq 300\text{W}$	Cái	3

h

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
70	Quạt hút giải nhiệt tủ điện 200x200	- Điện áp: 220VAC - 240VAC, 50Hz/60Hz - Dòng điện: ≥ 0.45 A - Công suất: ≥ 70 W - Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút - Lực gió: $\geq 285/8.07$ CFM/m³ - Độ ồn: ≤ 60 dB - Kích thước: 200mm x 200mm	Cái	10
71	Tủ điện 6 module	- Kích thước: 257mm x 244mm x 98mm - Số đường: 06 đường - Chất liệu: Kim loại - Loại: Âm tường - Cấp độ chống va đập cơ khí: IK07 - Độ cách ly điện: Cấp 2	Bộ	10
72	Điện trở nhiệt cho Tủ sấy	- Điện áp: 220VAC - 240VAC, 50Hz - Công suất: ≥ 1 KW - Kích thước: hình chữ U, Ø 12mm, dài 285mm - Ren: hai đầu Ø 16mm	Bộ	2
73	Điện trở nhiệt cho Lò nướng	- Điện áp: 220VAC - 380VAC, 50Hz, 3 pha - Công suất: ≥ 6 KW - Kích thước: hình tròn đường kính 355mm, Ø 10mm	Bộ	2
74	Điện trở nhiệt cho Máy rửa chén	- Điện áp: 220VAC - 380VAC, 50Hz, 3 pha - Công suất: ≥ 4.5 KW - Kích thước: 3 U, Ø 12mm, dài 372mm - Ren: Ø 60mm	Bộ	2
75	Bộ điều khiển nhiệt độ máy rửa chén	- Điện áp: 100VAC - 240VAC, 50Hz/60Hz - Dòng điện: ≥ 5 A - Độ chính xác: $\pm 0.5\%$ của FS ± 1 chữ số	Bộ	1
76	Bộ điều khiển nhiệt độ tủ sấy khô	- Điện áp: 220VAC - 240VAC, 50Hz/60Hz - Dòng điện: ≥ 16 A - Bước nhiệt hiệu chỉnh: 30°C - 130°C	Bộ	1
77	Bộ điều khiển tốc độ động cơ máy rửa chén	- Điện áp: 220VAC - 240VAC, 50Hz/60Hz - Công suất: ≥ 400 W - Tốc độ: 90-1400 rpm	Bộ	1

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
78	Công tắc điều chỉnh nhiệt độ lò hâm thức ăn	- Điện áp: 220VAC - 240VAC 50Hz/60Hz - Dòng điện: $\geq 16A$	Bộ	1
79	Công tắc điều chỉnh nhiệt độ tủ sấy khô	- Điện áp: 220VAC - 240VAC 50Hz/60Hz - Dòng điện: $\geq 16A$	Bộ	1
80	Bộ điều chỉnh thời gian tủ sấy khô	- Thời gian hiệu chỉnh: 0 - 60 phút - Bộ định thời 2 cực, trực vát	Bộ	1
81	Tụ điện 32 μF ch+C102:M125 đèn metal halide 400W	- Cải thiện hệ số công suất $\cos \mu > 0.9$ - Giá trị: 32 μF	Bộ	5
82	Tăng phô đèn metal halide 400W	- Điện áp: 220VAC - 240VAC - Dòng điện: $\geq 3A$ - Công suất: $\geq 400W$	Cái	5
83	Kit điện cho đèn metal halide 400W	- Điện áp: 220VAC - 240VAC - Dòng điện: $\geq 5A$ - Công suất: $\geq 1000W$	Cái	5

L

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số /BVĐHYD-QTTN ngày / /2021 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
1	Bóng đèn LED 0,6 m	- Công suất: 9W - 11W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$, thân nhôm chụp nhựa mờ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước: $600\text{mm} \pm 12 \times \text{Ø } 27\text{mm} \pm 2$	cái	400		
2	Bóng đèn LED 1,2 m	- Công suất: 18W - 20W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$, thân nhôm chụp nhựa mờ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước: $1200\text{mm} \pm 12 \times \text{Ø } 27\text{mm} \pm 2$	cái	1.000		
3	Bóng LED tròn, đuôi vặn E27	- Công suất: 3W - 4W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 80 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27	cái	50		

✓

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ				
4	Bóng đèn compact Led 14W	- Công suất: 14W - 16W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ	cái	300		
5	Bóng đèn compact Led 20W	- Công suất: 20W - 22W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ	cái	150		
6	Bóng đèn LED tròn 5W	- Công suất: 5W - 6W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 80 Lm/W - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ	cái	20		
7	Bóng Metal Halide	- Công suất: 70W - 75W - Ánh sáng trắng: ≥ 5200K, hình ống - Hiệu suất phát sáng: ≥ 65 Lm/W - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Đuôi ghim: RX7S - Tuổi thọ: ≥ 10.000 giờ	cái	10		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
8	Bóng Metal Halide, công suất 400W, hình ống bầu, ánh sáng trắng 4500 đuôi vặn E40	- Công suất: 400W - 405W - Ánh sáng trắng: $\geq 4500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 65 \text{ Lm/W}$ - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 - Đuôi vặn: E40 - Tuổi thọ: ≥ 10.000 giờ	cái	5		
9	Bóng đèn UV 1,2m	- Công suất: 30W - 55W - Tuổi thọ: ≥ 9.000 giờ - Kích thước: $1200\text{mm} \pm 12 \times \text{Ø } 27\text{mm} \pm 2$	cái	40		
10	Bộ Đèn LED mica 0,6 m	- Công suất: 18W - 19W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$, chụp mica - Hiệu suất phát sáng: $\geq 80 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ	bộ	30		
11	Bộ Đèn LED mica 1,2 m	- Công suất: 36W - 37W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$, chụp mica - Hiệu suất phát sáng: $\geq 80 \text{ Lm/W}$ - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ	bộ	10		
12	Đèn LED báo pha	- Đèn báo pha 24 VDC hoặc 220 VAC, Ø22 - Màu đèn: xanh, đỏ, hoặc vàng - Kích thước: $\text{Ø } 22\text{mm} \pm 2$	bộ	30		
13	Đèn chiếu tranh 5W	- Công suất: 5W - 6W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Quang thông: $\geq 450 \text{ Lm}$ - Chỉ số hoàn màu: $\geq 85 \text{ Ra}$ - Góc mở: có thể xoay - Tuổi thọ: ≥ 65.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø	bộ	5		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		110mm - Kích thước: Ø 130mm × 80mm				
14	Bộ Đèn LED downlight 7W	- Công suất: 7W - 8W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Quang thông: ≥ 630 Lm - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: hợp kim nhôm - Chip Led: Cree/Nichia - Kích thước lỗ khoét: Ø 85mm ± 3 - Kích thước: Ø 110mm x 53mm	bộ	30		
15	Đèn trụ 12W chiếu tranh	- Công suất: 12W - 14W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 0,98 Lm/W - Quang thông: ≥ 1200 Lm - Tuổi thọ: ≥ 65000 giờ - Chỉ số hoàn màu: 85 Ra - Góc mở: có thể xoay - Kích thước lỗ khoét: Ø 110mm - Kích thước: Ø 130mm × 80mm	bộ	5		
16	Bộ Đèn LED downlight 12W	- Công suất: 12W - 13W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 100 lm/W - Quang thông: ≥ 1320 Lm - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: hợp kim nhôm - Chip Led: Cree/Nichia - Kích thước lỗ khoét:	bộ	100		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		Ø145mm - Kích thước: Ø 157 x 40 mm				
17	Bộ Đèn LED downlight 13W	- Công suất 13W - 14W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 100 lm/W - Quang thông: ≥ 1300 Lm - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: hợp kim nhôm - Chip Led: Cree/Nichia - Kích thước lỗ khoét Ø114mm - Kích thước: Ø 120 x 103 mm	bộ	3		
18	Bộ đèn LED downlight 34W	- Công suất 34W - 36W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 97 lm/W - Quang thông: ≥ 3300 Lm - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: hợp kim nhôm - Chip Led: Cree/Nichia - Kích thước lỗ khoét Ø 150mm - Kích thước: Ø 157mm x 119mm	bộ	3		
19	Bộ đèn LED downlight chiếu sâu 60W	- Công suất 60W - Ánh sáng trắng ≥ 6500K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 100 lm/W - Quang thông: ≥ 6000 Lm - Góc chiếu: ≥ 104° - Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ - Tính năng chống nước: IP 65 - Chất liệu: hợp kim	bộ	26		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		nhôm - Chip Led: Cree/Nichia - Kích thước: đường kính 280mm, chiều cao 113mm				
20	Bộ Đèn Pha LED 30 W	- Công suất 30W - 32W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Quang thông ≥ 3000 Lm - Tính năng chống nước: IP 65 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	bộ	10		
21	Bộ Đèn Pha LED 50 W	- Công suất 50W - 55W - Ánh sáng trắng 6500 K - Quang thông ≥ 3000 Lm - Tính năng chống nước: IP 65 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	bộ	5		
22	Bộ Đèn pha LED 120 W (đèn đường)	- Công suất 120W - 130W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Quang thông ≥ 3.000 Lm - Tính năng chống nước: IP65 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	bộ	3		
23	Bộ đèn LED T5 1,2m 14W	- Công suất: 14W - 16W - Kích thước bóng: 1200mm $\pm$ 12 - Độ sáng: ≥ 1200 Lm - Độ hoàn màu: ≥ 80 n Ra - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ chiếu sáng - Chất liệu: Nhựa	bộ	10		



STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
24	Bộ đèn LED T5 0,6m	- Công suất: 7W - 9W - Kích thước bóng: $\geq 600\text{mm} \pm 12$ - Độ sáng: $\geq 600\text{Lm}$ - Độ hoàn màu: $\geq 80\text{Ra}$ - Ánh sáng trắng: $\geq 6500\text{K}$ - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ chiếu sáng - Chất liệu: Nhựa	bộ	200		
25	Bộ đèn quang hợp 100W	- Công suất: 100W - 110W - Hiệu suất: $\geq 85 \text{ lm/W}$ - Góc chiếu: $\geq 160^\circ$ - Quang thông: $\geq 20.000 \text{ Lm}$ - Diện tích che phủ: max 4m^2 - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: hợp kim nhôm, ABS - Đuôi đèn: E27 - Kích thước: 122x122x192 mm	bộ	2		
26	Đèn để bàn 4,5W	- Công suất: 4,5W - 5,5W - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ - Kích thước Căn đèn: 28cm; Chiều cao: 29cm	bộ	10		
27	Đèn LED âm tường chiếu chân 3,6W	- Công suất: 6W - 7W - Quang thông: $\geq 100\text{Lm}$ - Ánh sáng vàng: $\geq 3000\text{K}$ - Tuổi thọ cao: ≥ 25.000 giờ - Chỉ số hoàn màu: $\geq 70 \text{ Ra}$ - Chip Led: Epistar/ Bridgelux	bộ	2		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
28	Đèn LED 10W	- Công suất: 10W - 12W - Quang thông: ≥ 977 Lm - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ - Chất liệu: Hợp kim nhôm cao cấp có đế tản nhiệt - Lỗ khoét: $\varnothing 110$ mm - Kích thước: $\varnothing 142 \times H 35$ mm	bộ	10		
29	Đèn LED 9W	- Công suất: 9W - 10W - Quang thông: ≥ 977 Lm - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ - Chất liệu: Hợp kim nhôm cao cấp có đế tản nhiệt - Lỗ khoét: $\varnothing 100$ mm - Kích thước: $\varnothing 120 \times H 35$ mm	bộ	10		
30	LED panel 600x600mm	- Công suất 40W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Độ hoàn màu: ≥ 80 Ra - Hiệu suất: ≥ 97 lm/W - Quang thông: ≥ 4000 Lm - Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ - Chất liệu: Nhựa PMMA - Kích thước: 602x602x10 mm	bộ	30		
31	Cáp 1xC1,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 1.5mm² - Cấp điện áp U₀/U: $\geq 0.6/1KV$ - Chiều dày cách điện	mét	900		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		danh định: $\geq 0.8\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$				
32	Cáp 1x3C1,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 1.5mm ² /1 sợi - Cấu tạo: 3 sợi, có 1 sợi xanh sọc vàng - Cấp điện áp U ₀ /U: $\geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 0.8\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$	mét	600		
33	Cáp 1xC2,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 2.5mm ² - Cấp điện áp U ₀ /U: $\geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 0.8\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$	mét	1.500		
34	Cáp 1xC4mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 4.0mm ² - Cấp điện áp U ₀ /U: $\geq 0.6/1\text{KV}$ Chiều dày cách điện danh định: $\geq 1\text{mm}$ Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$	mét	1.800		
35	Cáp 1xC6mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 6.0mm ² - Cấp điện áp U ₀ /U: $\geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 1\text{mm}$ Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$	mét	1.000		
36	Cáp chống cháy 1x1,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 1.5mm ² - Cấp điện áp U ₀ /U: $\geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 1.4\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$	mét	800		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Đáp ứng các tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1, TCVN 6612/ IEC 60228				
37	Cáp điện thoại 2x2x0,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: $\geq 0.5\text{mm}^2$ - Cấu tạo: 2 đôi dây (4 sợi) - Hình dạng: dẹp	mét	700		
38	Cáp mạng CAT 6	- Qui cách: 305 mét/thùng - Hỗ trợ chuẩn 10GBASE-T đến 100m. - Thỏa tất cả các yêu cầu của IEEE 802.3an 10 Gigabit Ethernet. - Chứng nhận an toàn: IEC 60332-1-2, IEC 60754-1, IEC 60754-2, IEC 61034-2. - Dây dẫn bằng đồng dạng cứng - Đường kính lõi: ≤ 23 AWG. - Vỏ bọc cách điện: Polyethylene - Vỏ bọc bên ngoài : nhựa LSZH	mét	600		
39	Dây loa AWG 16	- Tiết diện danh nghĩa: $1.5\text{mm}^2/1$ sợi - Lõi cáp: đồng mạ thiếc - Cấu tạo: 2 sợi xoắn tạo thành cặp. - Lớp cách điện được làm bằng PE - Polyethylene - Chống nhiễu: nhôm cán mỏng phủ 125% - Vỏ cáp được làm nhựa PVC.	mét	100		

2

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
40	Cáp đồng trục RG6	- Lõi dây: thép mạ đồng - Đường kính lõi: $\geq 1.02\text{mm}$. - Lớp chống nhiễu: lớp 1 nhôm cán mỏng, lớp 2 lưới nhôm. - Vỏ bọc làm bằng nhựa PVC - Điện trở: $75 \pm 3 \text{ Ohm}$.	mét	100		
41	Công tắc đơn 1 chiều 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16\text{A}$ - Cách đấu dây: ghim (Cắm nhanh) - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng - Bật tắt: có ký hiệu	bộ	40		
42	Công tắc chuông	- Điện áp định mức: 220 VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 10\text{A}$ - Cách đấu dây: vặn ốc - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng - Bật tắt: có ký hiệu	cái	30		
43	Box âm đơn	- Kích thước: 80 x 80 x 42.5 mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	cái	70		
44	Box nổi đơn	- Kích thước: 80 x 80 x 35 mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	cái	120		
45	Box nổi đôi	- Kích thước: 120 x 115 x 35 mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	cái	54		
46	Box âm đôi	- Kích thước: 120 x 115 x 42.5 mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	cái	20		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
47	Mặt lắp 1 thiết bị	- Đế lắp đặt: đế vuông đơn - Dòng sản phẩm: Refina - Chức năng: dùng cho 1 thiết bị wide - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	cái	50		
48	Mặt lắp 2 thiết bị	- Đế lắp đặt: đế vuông đơn - Dòng sản phẩm: Refina - Chức năng: dùng cho 2 thiết bị wide - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	cái	50		
49	Mặt lắp 3 thiết bị	- Đế lắp đặt: đế vuông đơn - Dòng sản phẩm: Refina - Chức năng: dùng cho 3 thiết bị wide - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	cái	100		
50	Mặt lắp 6 thiết bị	- Đế lắp đặt: đế đôi - Chức năng: dùng cho 6 thiết bị wide - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	cái	100		
51	Mặt che công tắc đèn	- Trang bị tiêu chuẩn kín nước IP43 - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	cái	5		
52	Ổ cắm điện đôi 3 chấu 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16A$ - Chất liệu: nhựa - Kiểu nối dây: cắm dây - Màu sắc: trắng - Màng che bảo vệ: có	Bộ	100		

2

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
53	Ổ cắm điện di động 5 vị trí cắm 1 công tắc	- Chiều dài cáp 3m, Vỏ dây điện cấu tạo 2 lớp - Sử dụng chất liệu tiêu chuẩn TIS - Loại 5 ổ cắm 3 chấu, có màn che - 1 công tắc phụ - Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16A$	Bộ	20		
54	Phích cắm điện 3 chấu	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 20A$	Bộ	100		
55	Ống luồn dây cứng Ø 20 2,92m/Cây	- Chiều dài: $\geq 2.92m$ - Đường kính ngoài: 20mm - Độ dày: $\geq 1.9mm$ - Chất liệu: PVC - Lực nén: $\geq 1250N$ - Màu sắc: trắng	Cây	100		
56	Ống luồn dây mềm Ø 20, 40m/cuộn	- Chiều dài: 40m/cuộn - Đường kính: 20mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng	Cuộn	20		
57	Ống luồn dây mềm Ø 25, 40m/cuộn	- Chiều dài: 40m/cuộn - Đường kính: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng	Cuộn	15		
58	MCB 1P 20A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 20A - Số cực: 1P - Dòng cắt: $\geq 6 kA$ - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	10		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
59	MCB 2P 25A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 25A - Số cực: 2P - Dòng cắt: ≥ 6 kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	2		
60	ELCB 2P 20A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 20A - Dòng rò: ≤ 30mA - Số cực: 2P - Dòng cắt: ≥ 4.5kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	2		
61	MCB 3P 32A	- Điện áp định mức: 440VAC - 500VAC - Dòng điện định mức: 32A - Số cực: 3P - Dòng cắt: ≥ 6 kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	10		
62	MCCB 3P 50A	- Điện áp định mức: 440VAC - 500VAC - Dòng điện định mức: 50A - Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 25KA - Số cực: 3P - Chất liệu: nhựa, Đồng - Trip unit: Điều chỉnh từ 0.7 - 1.0 dòng định mức	Cái	1		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
63	Relay 4 tiếp điểm 220VAC 2A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 3A - Số chân: 14 - Số tiếp điểm: 4NO, 4NC	Cái	7		
64	Cảm biến ánh sáng dạng điện tử	- Điện áp: 220V AC, 50Hz - Công suất: $\geq 500W$ - Độ sáng mở relay: ≤ 30 lux - Độ sáng tắt relay: ≥ 150 lux	Cái	3		
65	Timer 24 giờ	- Điện áp hoạt động: 220VAC - 250VAC, 50Hz - Công suất: $\geq 2500W$ - Chế độ hẹn giờ: 17 lần ON và 17 lần OFF - Thời gian cài đặt tối thiểu: 1 phút - Tích hợp pin dự phòng cho chương trình thời gian	Cái	4		
66	Timer 60 phút	- Loại 8-chân - Nguồn cấp: 100VAC - 240VAC, 50Hz/60Hz - Ngõ ra role DPDT - Thang đo: 0.05s ~ 30h - Tiêu chuẩn: UL, CSA, EN	Cái	5		
67	Bộ bảo vệ pha	- Điện áp pha: 380VAC - Điện áp chuyển mạch Max: 480VAC - Điện áp chuyển mạch Max: 250VAC - Dòng điện chuyển mạch Max: 8A - Giới hạn điện áp: 304VAC ... 576VAC - Ngõ ra điều khiển: 2 C/O - Báo hiệu trạng thái	Cái	2		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		bảng đèn LED.				
68	Bộ nguồn 12VDC 12.5A	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 12VDC - Dòng điện ngõ ra: $\geq 17A$ - Công suất: $\geq 200W$	Cái	4		
69	Bộ nguồn 24VDC 14A	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 24VDC - Dòng điện ngõ ra: $\geq 14A$ - Công suất: $\geq 300W$	Cái	3		
70	Quạt hút giải nhiệt tủ điện 200x200	- Điện áp: 220VAC - 240VAC, 50Hz/60Hz - Dòng điện: $\geq 0.45 A$ - Công suất: $\geq 70 W$ - Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút - Lực gió: $\geq 285/8.07$ CFM/m³ - Độ ồn: ≤ 60 dB - Kích thước: 200mm x 200mm	Cái	10		
71	Tủ điện 6 module	- Kích thước: 257mm x 244mm x 98mm - Số đường: 06 đường - Chất liệu: Kim loại - Loại: Âm tường - Cấp độ chống va đập cơ khí: IK07 - Độ cách ly điện: Cấp 2	Bộ	10		
72	Điện trở nhiệt cho Tủ sấy	- Điện áp: 220VAC - 240VAC, 50Hz - Công suất: $\geq 1KW$ - Kích thước: hình chữ U, Ø 12mm, dài 285mm - Ren: hai đầu Ø 16mm	Bộ	2		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
73	Điện trở nhiệt cho Lò nướng	- Điện áp: 220VAC - 380VAC, 50Hz, 3 pha - Công suất: $\geq 6KW$ - Kích thước: hình tròn đường kính 355mm, Ø 10mm	Bộ	2		
74	Điện trở nhiệt cho Máy rửa chén	- Điện áp: 220VAC - 380VAC, 50Hz, 3 pha - Công suất: $\geq 4.5KW$ - Kích thước: 3 U, Ø 12mm, dài 372mm - Ren: Ø 60mm	Bộ	2		
75	Bộ điều khiển nhiệt độ máy rửa chén	- Điện áp: 100VAC - 240VAC 50Hz/60Hz - Dòng điện: $\geq 5A$ - Độ chính xác: $\pm 0.5\%$ của FS ± 1 chữ số	Bộ	1		
76	Bộ điều khiển nhiệt độ tủ sấy khô	- Điện áp: 220VAC - 240VAC 50Hz/60Hz - Dòng điện: $\geq 16A$ - Bước nhiệt hiệu chỉnh: 30°C - 130°C	Bộ	1		
77	Bộ điều khiển tốc độ động cơ máy rửa chén	- Điện áp: 220VAC - 240VAC 50Hz/60Hz - Công suất: $\geq 400W$ - Tốc độ: 90-1400 rpm	Bộ	1		
78	Công tắc điều chỉnh nhiệt độ lò hâm thức ăn	- Điện áp: 220VAC - 240VAC 50Hz/60Hz - Dòng điện: $\geq 16A$	Bộ	1		
79	Công tắc điều chỉnh nhiệt độ tủ sấy khô	- Điện áp: 220VAC - 240VAC 50Hz/60Hz - Dòng điện: $\geq 16A$	Bộ	1		
80	Bộ điều chỉnh thời gian tủ sấy khô	- Thời gian hiệu chỉnh: 0-60 phút Bộ định thời 2 cực, trực vát	Bộ	1		
81	Tụ điện 32 μF ch+C102:M125 đèn metal halide 400W	- Cải thiện hệ số công suất $\cos \mu > 0.9$ - Giá trị: 32 μF	Bộ	5		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
82	Tăng phô đèn metal halide 400W	- Điện áp: 220VAC - 240VAC - Dòng điện: $\geq 3A$ - Công suất: $\geq 400W$	Cái	5		
83	Kit điện cho đèn metal halide 400W	- Điện áp: 220VAC - 240VAC - Dòng điện: $\geq 5A$ - Công suất: $\geq 1000W$	Cái	5		
Tổng cộng						

Báo giá này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký

Ngày ... tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

✓